TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2021/HS-ST
Ngày: 23/04/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H
THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đào Duy Vương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Đức Đạt**

2. **Bà Đỗ Thị Loan**

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Phương Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên toà:* **Bà Lê Thị Thu Huyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H. Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị N** (Tên khác: **Ngọc Hương**); sinh năm 1979; giới tính: nữ; ĐKHKTT: thôn Quán Trạch, xã Liên N, huyện V , tỉnh H ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân M , sinh năm 1948; con bà: Hoàng Thị L , sinh năm 1957; Chồng là Vũ Đức T (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2020 tại Trại tạm giam số 2 Công an

thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn V , sinh năm 1985; giới tính: nam; ĐKHKTT: khu 2, xã Lương Lỗ, huyện T , tỉnh P ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Bùi Mạnh H , sinh năm 1951; con bà: Nguyễn Thị L , sinh năm 1952; Vợ là: Lê Thị Kim O , sinh năm 1985(đã ly hôn); Có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2020 tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H.

3. **Nguyễn Văn S** (Tên khác: **Tuấn**), sinh năm 1997; giới tính: nam; ĐKHKTT: thôn Quyết Thắng 2, xã Cảm Nhân, huyện Y h, tỉnh Y ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn C , sinh năm 1962; con bà: Đặng Thị M , sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị can bị tạm giam từ ngày 15/01/2021 tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H.

*** Người bị hại:** Anh Dương Văn B; sinh năm: 1986; Hộ khẩu: thôn Thụy Hà, xã B , huyện Đ , thành phố H; trú tại: P614 CT2, chung cư T , phường L quận H, thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2017, Nguyễn Thị N có hợp tác đầu tư chung vào sàn giao dịch tiền ảo với anh Dương Văn B sinh năm 1986, trú tại P614 CT2, chung cư T, phường L , quận H, thành phố H. Sau đó, sàn giao dịch tiền ảo bị vỡ, nên N và anh B bị thua hết tiền. Sau sự việc, N cho rằng anh B phải có trách nhiệm trả lại cho N số tiền 90 triệu đồng. Năm 2018, anh B đã trả cho N 20 triệu đồng và sau đó cắt liên lạc với N, vì cho rằng không có trách nhiệm phải trả số tiền còn lại cho N.

Ngày 07/9/2020, N được biết anh B đang ngồi tại quán cà phê Moment ở tầng 1 CT2, chung cư The Pride nên N đã gọi điện cho Bùi Văn V để cùng đi gặp B. V đồng ý và hẹn gặp N tại khu vực Mỹ Đình, H. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày

07/9/2020, N điều khiển xe ô tô Maz-da 6, biển kiểm soát 89A-130.73 đến đón V. Lúc này, V đang ở cùng với Hoàng Tiến S sinh năm 1990, trú tại xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Văn S nên rủ đi cùng (nhưng V không nói cho S và S biết là đi đòi nợ). Khi cùng lên xe ô tô do N điều khiển, N có nói chuyện với V về việc anh B nợ tiền N từ năm 2017 đến nay chưa trả và gửi ảnh của B cho V để nhận mặt.

Khi đến quán cà phê Moment, nhóm của N gặp anh B đang ngồi ở ngoài cửa quán. N tới gần ngồi đối diện anh B, S ngồi cạnh anh B, V đứng cạnh N, còn S đứng ở ngoài sảnh. N yêu cầu anh B phải trả số tiền còn nợ. Lúc này, S và S mới biết N đến gặp anh B để đòi nợ. Anh B nói không có tiền và đi vào trong quán để ngồi thì N cùng V, S, S đi vào cùng. N tiếp tục đòi tiền thì anh B nói để nhắn tin hỏi vay tiền trả cho N. Lúc này, N nhờ S đứng cạnh, giám sát anh B nhắn tin hay gọi điện vay tiền được của ai thì báo N hoặc nếu anh B bỏ chạy thì giữ lại. S ngồi xuống cạnh anh B, còn N, V và S ra bàn bên cạnh ngồi cách vị trí anh B khoảng 3m. Thỉnh thoảng, N đến chỗ anh B ngồi để giục. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh B chuyển khoản số tiền 05 triệu đồng vào tài khoản của N tại ngân hàng VPBank. Sau đó, S thấy điện thoại anh B có tin nhắn đến nhưng anh xóa luôn nên S báo N biết. Nghĩ rằng anh B có tiền mà không trả nên N chửi bới, đe dọa: "*Mày có tin tao đập chết mày bây giờ không".* Thấy vậy, V đi sang chửi anh B rồi quay về chỗ bàn đang ngồi và nói: "*Mày có trả tiền không, tao lôi ra ngoài đánh cho một trận bây giờ";* đồng thời đe dọa: "*Mày có tin tao cắt gân mày không"*. Lúc này, anh B có biểu hiện co quắp tay nên đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bạn gái anh B là chị Lê Thị Hà M sinh năm 1991, trú tại: P614, CT2 The Pride, phường L, quận H, thành phố H đến và gọi xe cứu thương đưa anh B đi viện, nhưng N cho rằng anh giả vờ nên không cho đi mà tiếp tục đòi tiền và to tiếng với anh B. Thấy vậy, chủ quán yêu cầu nhóm N và anh B ra ngoài. Khi ra ngoài, N tiếp tục đòi tiền, buộc anh B phải chuyển tiếp cho N số tiền 17.400.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, khi N cùng anh B, chị M cùng đi vào bên trong quán cà phê thì lực lượng công an đến yêu cầu tất cả về trụ sở để làm rõ.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm:

- Thu do Nguyễn Thị N giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng và 22.400.000 đồng, khai nhận là số tiền đã chiếm đoạt của anh Dương Văn B;

- Thu do Bùi Văn V giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc.

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã trao trả lại số tiền 22.400.000 đồng cho anh Dương Văn B. Sau khi nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, anh B không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-HS ngày 08 tháng 2 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Bùi Văn V, Nguyễn Văn S, về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 B luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều xin được hưởng mức án thấp nhất.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 B luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt: Nguyễn Thị N từ 14 đến 16 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 B luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt: Bùi Văn V và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo đều từ 12 đến 15 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an quận H và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của B luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 16 giờ ngày 07/9/2020, tại quán cà phê Moment ở tầng 1 CT2, chung cư The Pride, phường L, quận H, thành phố H, Nguyễn Thị N, Bùi Văn V, Nguyễn Văn S đã có hành vi, lời nói đe dọa nhằm ép buộc anh Dương Văn B phải chuyển cho N số tiền 22.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị N, Bùi Văn V và Nguyễn Văn S đã phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 08/02/2021 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an của khu dân cư. Do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[2.3]. Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo thì nhận thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm, bị cáo Nguyễn Thị N có vai trò là người khởi xướng. Do vậy bị cáo N phải chịu hình phạt cao nhất.

Đối với bị cáo Bùi Văn V, Nguyễn Văn S có vai trò giúp sức tích cực; bị cáo V đã có lời nói đe dọa đến người bị hại nhằm uy hiếp tinh thần người bị hại, bị cáo S được N nhờ giám sát anh B nhắn tin hay gọi điện vay tiền được của ai thì báo N hoặc nếu anh B bỏ chạy thì giữ lại. Do vậy áp dụng hình phạt như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo, đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[2.4] Tuy nhiên khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự; người bị hại sau khi nhận lại tài sản cũng có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 B luật Hình sự.

[3]. Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu vàng thu giữ của Nguyễn Thị N và thu do Bùi Văn V giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu đen bạc đều được các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị N không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo N.

[4]. Về các vấn đề khác: Đối với Hoàng Tiến S là người đi cùng nhóm của N đến gặp anh B, tuy nhiên trước khi đi, S không biết N đi đòi nợ. Trong suốt quá trình ở quán cà phê, S không thể hiện sự tiếp nhận ý chí phạm tội của các đối tượng khác, không có lời nói, hành vi chửi bới, đe dọa đánh, cũng không có hành vi nào khác uy hiếp tinh thần đối với anh B và không được hưởng lợi gì từ việc N, V chiếm đoạt tiền của anh B. Xét tính chất, mức độ hành vi nêu trên không đủ cơ sở quy kết Hoàng Tiến S đồng phạm với Nguyễn Thị N, Bùi Văn V, Dương Văn S về tội Cưỡng đoạt tài sản, nên cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát không truy tố, nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 B luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 B luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Bùi Văn V và Nguyễn Văn S đều phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

2.1, Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 B luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2020.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 B luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2020.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 B luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2021.

3. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 B luật Hình sự, Điều 106 B luật tố tụng hình sự:*

3.1 Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, IMEI: 355876066488747 của bị cáo Nguyễn Thị N (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu ghi, số IMEI: 353288073499471 của bị cáo Bùi Văn V (đã qua sử dụng);

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng (đã qua sử dụng).

(Tình trạng vật chứng như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/4/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự quận H với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận H)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 B luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Bùi Văn V, Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 B luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận :
- TAND TP H ;
- VKSND quận H;
- CA quận H;
- THA quận H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Vương

Nơi nhận :
- TAND TP H ;
- VKSND quận H;
- CA quận H;
- THA quận H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Vương